

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2022/HS-ST
Ngày 22-11-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Xuyên;
2. Ông Nguyễn Đức Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2022, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 103/2022/TLST-HS ngày 21 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2022/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hữu T, (tên gọi khác: Không có), sinh ngày 23/3/1978 tại H, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: Tổ 1, khu Y, phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 7/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu N và bà Phạm Thị M, có vợ Nguyễn Thị S, có 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2000; tiền án: Ngày 09/9/2014 bị Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/12/2015, chấp hành xong phần dân sự ngày 23/8/2022; tiền sự: Ngày 10/6/2019 bị Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 21 tháng, chấp hành xong ngày 19/3/2021; nhân thân: Ngày 15/8/1995 bị Tòa án nhân dân huyện Hoành Bồ (nay là thành phố Hạ Long), tỉnh Quảng Ninh xử phạt 24 tháng tù về tội “Cướp tài sản”, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng. Ngày 16/5/2001 bị Tòa án nhân dân huyện Yên Hưng (nay là thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh) xử phạt 06 tháng tù về tội “Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/6/2001. Ngày 26/9/2007 bị Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt là 42 tháng tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/12/2010; bị tạm giữ từ ngày 15/7/2022, hiện tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Uông Bí, có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Văn N, (tên gọi khác: Không có), sinh ngày 19/9/1976 tại U, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: Tổ 10, khu N, phường N, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn X và bà Đặng Thị T, chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 07/11/2007, bị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xử phạt 30 tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt ngày 16/11/2009; bị tạm giữ ngày 15/7/2022, hiện tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Uông Bí, có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:*

Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1963; nơi cư trú: Tổ 3, khu C, phường N, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

Ông Nguyễn Đức D, sinh năm 1963, nơi cư trú: Tổ 4, khu N, phường N, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 45 phút ngày 15/7/2022, tổ công tác Công an phường Nam Khê trong khi làm nhiệm vụ tại tổ 4, khu C, phường N, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh đã phát hiện bắt quả tang Nguyễn Hữu T và Trần Văn N về hành cất giấu trái phép chất nghi là ma túy. Quá trình kiểm tra, thu giữ tại túi quần phía trước bên trái của N 01 gói giấy bạc màu trắng bên trong chứa chất bột màu trắng (ký hiệu M1) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung gắn sim số 0868.280.696. Thu giữ tại túi áo ngực bên trái của T 01 gói giấy bạc màu trắng, bên trong chứa chất bột màu trắng (ký hiệu M2) và tại túi quần phía trước bên trái của T 01 gói giấy màu trắng bên trong chứa chất bột màu trắng (ký hiệu M3), ngoài ra còn thu giữ của T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh, trắng gắn sim số 0978.532.301 và 01 xe mô tô Yamaha Sirius màu đen gắn biển kiểm soát (BKS) 14B1-089.26.

Bản Kết luận giám định số: 1169/KL-KTHS ngày 20/7/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận: Mẫu vật gửi giám định ký hiệu M1, M2, M3 là ma túy, loại Heroine, khối lượng M1 = 0,298 gam, M2 = 0,039 gam, M3 = 0,091 gam.

Quá trình điều tra, Nguyễn Hữu T và Trần Văn N đều khai nhận vào khoảng 08 giờ 00 phút ngày 15/7/2022, T nảy sinh ý định sử dụng ma túy Heroine, T điều khiển xe mô tô Yamaha Sirius BKS 14B1-089.26 đến nhà N (em họ T) để hỏi xin ma túy sử dụng. Do không còn ma túy nên N rủ T sang thành phố Hải Phòng tìm mua ma túy để cả hai cùng sử dụng. T đồng ý và giao xe mô tô của mình để N chở đến khu vực ngã ba N thuộc huyện T, thành phố Hải Phòng. Tại đây, N nói T đứng chờ bên ngoài, còn N điều khiển xe mô tô vào 01 ngõ nhỏ gần khu vực trên gặp 01 người đàn ông không quen biết hỏi mua ma túy Heroine của người này với giá 500.000đ. N trả tiền cho người này và cầm lấy 01 gói giấy bạc màu trắng bên trong chứa ma túy Heroine và quay lại chở T

đến khu vực vắng người gần đó. Tại đây, N đổ một ít ma túy trong gói ma túy vừa mua được ra cho cả hai cùng sử dụng, phần ma túy còn lại N cất trong người. Sau khi sử dụng ma túy xong, N chở T về khu đô thị C thuộc phường Y, thành phố U, N chia số ma túy còn lại trong gói thành 02 gói nhỏ, 01 gói N giữ cho mình để sử dụng, gói còn lại N đưa cho T. T chia gói ma túy N đưa thành 02 phần, 01 phần ma túy được gói trong mảnh giấy bạc màu trắng, T cất giấu ở túi áo ngực phía trước bên trái, phần ma túy còn lại T gói trong mảnh giấy trắng và cất giấu tại túi quần phía trước bên trái để sử dụng. Sau đó, N chở T về nhà, khi đi đến khu vực tổ 4, khu C, phường N, thành phố U thì bị lực lượng Công an kiểm tra, thu giữ vật chứng như đã nêu trên.

Bản Cáo trạng số: 112/CT-VKSUB ngày 20/10/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố Nguyễn Hữu T và Trần Văn N về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a)...

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam”.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, giữ nguyên quan điểm như nội dung Cáo trạng đã truy tố; đề nghị xét xử các bị cáo Nguyễn Hữu T và Trần Văn N về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự, với mức hình phạt từ 18 đến 21 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 15/7/2022 đối với bị cáo Nguyễn Hữu T. Đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự, với mức hình phạt từ 18 đến 21 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 15/7/2022 đối với bị cáo Trần Văn N. Không đề nghị hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu tiêu hủy vật chứng là số ma túy hoàn lại sau giám định trong niêm phong số: 1169/KL-KTHS; đề nghị trả lại bị cáo Nguyễn Hữu T 01 điện thoại Nokia gắn sim số 0978.532.301; trả lại bị cáo Trần Văn N 01 điện thoại Samsung gắn sim số 0868.280.696.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Hữu T và Trần Văn N đều thừa nhận hành vi phạm tội và thừa nhận việc Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội nên không tranh luận. Các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về trình tự thủ tục tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Uông Bí, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh:

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Hữu T và Trần Văn N đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Các lời khai của các bị cáo tại phiên tòa và tại Cơ quan điều tra đều phù hợp với nhau; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 11 giờ 00 phút ngày 15/7/2022 và biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ lập hồi 12 giờ 15 phút và 12 giờ 35 phút cùng ngày; phù hợp với lời khai của những người làm chứng ông Đỗ Văn T và ông Nguyễn Đức D; phù hợp với Kết luận giám định số: 1169/KL-KTHS ngày 20/7/2022, của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Ninh.

Các bị cáo đều là người trưởng thành có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đều nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy mục đích để sử dụng là bị pháp luật cấm nhưng vẫn thực hiện là thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội và gây mất an ninh trật tự tại địa phương, nhất là trong tình hình hiện nay, tệ nạn ma túy là hiểm họa lớn cho xã hội, gây nguy hại đến sức khỏe, đời sống của con người, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe cho người sử dụng và là nguyên nhân dẫn đến các loại tội phạm khác.

Như vậy, có cơ sở xác định các bị cáo có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, loại: Heroine; tổng khối lượng: 0,428 gam, mục đích để sử dụng thì bị phát hiện bắt quả tang vào hồi 10 giờ 45 ngày 15/7/2022, tại tổ 4, khu C, phường N, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Hữu T và Trần Văn N phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Bản Cáo trạng số: 112/CT-VKSUB ngày 20/10/2022, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố đối với các bị cáo và các đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, được chấp nhận.

Xét nhân thân của bị cáo cho thấy:

Các bị cáo đều có nhân thân xấu, nhưng không tự tu dưỡng, rèn luyện bản thân mặc dù nhận thức được việc sử dụng trái phép chất ma túy là bị cấm nhưng vẫn tàng trữ trái phép chất ma túy với mục đích sử dụng phục vụ cho nhu cầu của bản thân là chưa có ý thức chấp hành pháp luật.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội lần này trong thời gian chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[3]. Về hình phạt:

Sau khi xem xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cần phải xử phạt với một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội và phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, nhằm giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Xét vai trò của các bị cáo cho thấy: Do cả hai bị cáo đều có nhu cầu sử dụng ma túy nên rủ nhau cùng đi mua ma túy để sử dụng nên đây chỉ là đồng phạm mang tính giản đơn nên có vai trò ngang nhau. Tuy nhiên bị cáo Nguyễn Hữu T chịu tình tiết tăng nặng nên phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo Trần Văn Ninh.

Ngoài hình phạt chính, lẽ ra cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, nhưng các bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng không có mục đích kiếm lời nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[4]. Về vật chứng và các vấn đề khác:

Số ma túy được hoàn lại sau giám định trong niêm phong số: 1169/KL-KTHS là vật cấm tàng trữ lưu hành cần tịch thu, tiêu hủy;

Đối với 01 điện thoại Nokia gắn sim số 0978.532.301 thu, giữ của Nguyễn Hữu T và 01 điện thoại Samsung gắn sim số 0868.280.696 thu, giữ của Trần Văn N không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho các bị cáo.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius gắn BKS 14B1-089.26 thuộc sở hữu của chị Nguyễn Thị T, bị mất trộm vào tháng 10/2021 tại xã H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Uông Bí đã bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Quảng Yên giải quyết theo thẩm quyền nên không đề cập giải quyết.

Đối với đối tượng bán ma túy cho bị cáo Trần Văn N, quá trình điều tra không xác định được lai lịch, địa chỉ nên không có căn cứ để xử lý.

[5]. Về án phí:

Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hữu T và Trần Văn N phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1.1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 21 (hai mươi một) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 15/7/2022.

1.2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn N 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 15/7/2022.

2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì niêm phong đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định số: 1169/KL-KHTS.

Trả lại bị cáo Nguyễn Hữu T 01 (một) điện thoại Nokia gắn sim số 0978.532.301.

Trả lại bị cáo Trần Văn N 01 (một) điện thoại Samsung gắn sim số 0868.280.696.

Tình trạng các vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, ngày 25/10/2022.

3. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Nguyễn Hữu T và Trần Văn N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- VKSND thành phố Uông Bí;
- Chi cục THADS thành phố Uông Bí;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan điều tra-Công an Uông Bí;
- Nhà tạm giữ Công an TP. Uông Bí;
- Cơ quan THAHS Công an TP. Uông Bí;
- Sở Tư pháp tỉnh QN;
- Lưu: Hồ sơ + Văn phòng + THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Nam